

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	15,000 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	28.2%	-	17.2%

DT thuần	2024		
	50.6	YoY	▲ 2.70
	tỷ VNĐ		▲ 5.6%

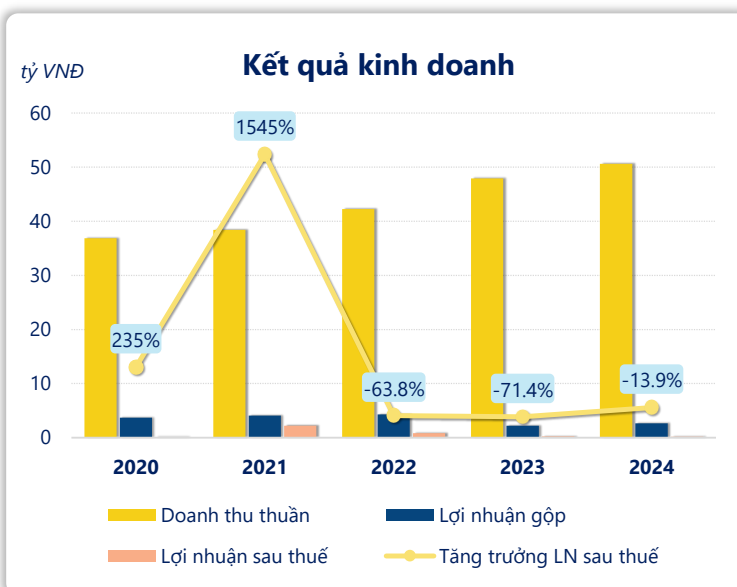
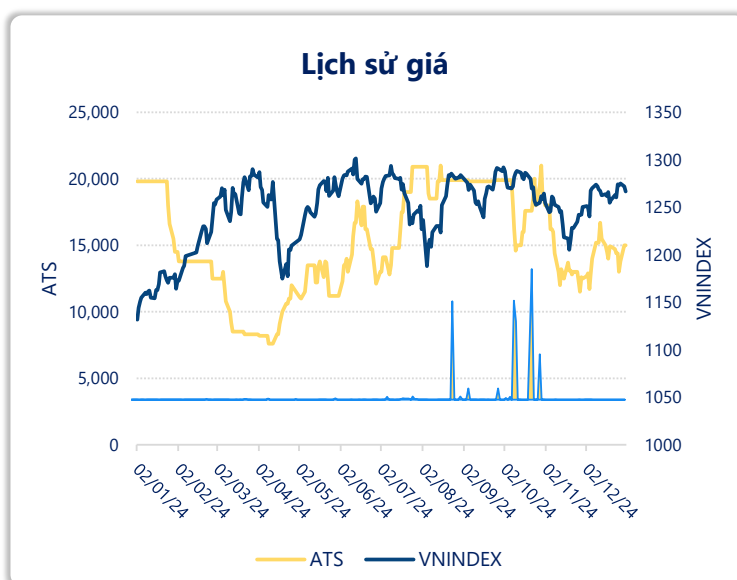
LN gộp	2024		
	2.65	YoY	▲ 0.45
	tỷ VNĐ		▲ 20.1%

LN thuần	2024		
	0.78	YoY	▲ 0.50
	tỷ VNĐ		▲ 180%

LN sau thuế	2024		
	0.20	YoY	▼ 0.03
	tỷ VNĐ		▼ 13.9%

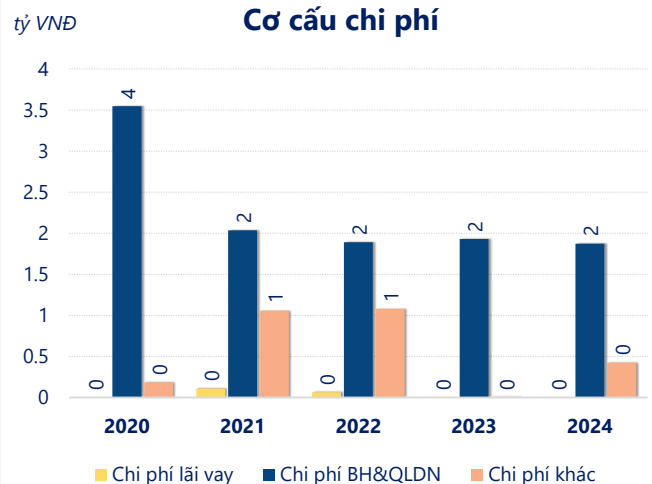
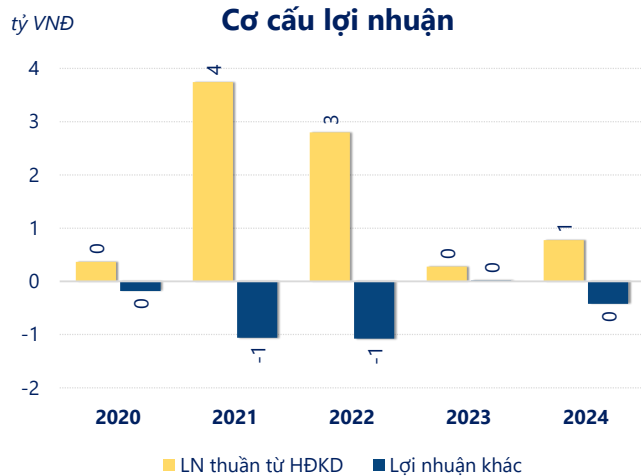
ROE	2024		
	0.5%	+/- YoY	▼ 0.1%

ROA	2024		
	0.4%	+/- YoY	▼ 0.1%



Kết quả kinh doanh **ATS** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **50.62** tỷ đồng **tăng 5.57%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 13.9%** chỉ còn **0.20** tỷ đồng.

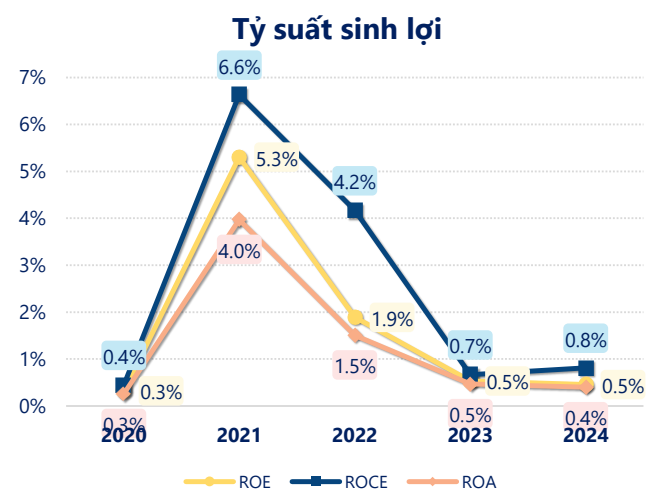
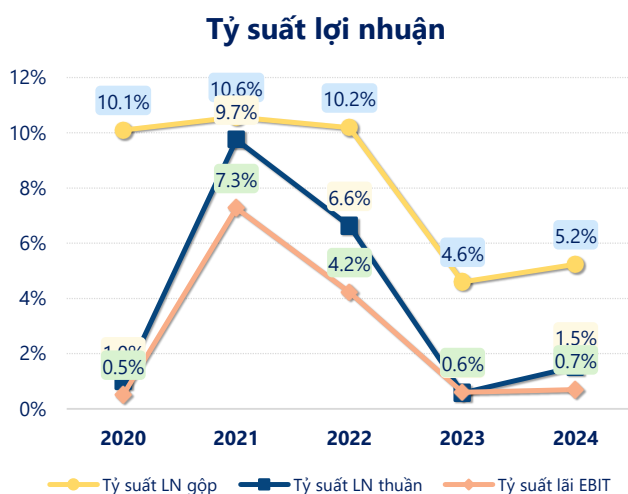
Lợi nhuận sau thuế bằng 0 cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận hoặc đang gặp phải các thách thức tài chính.



Năm **2024**, **ATS** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **0.78** tỷ đồng, **tăng lên 0.50** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (1.59 tỷ đồng) là 0.82 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm xuống** còn **1.87** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.42** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của **ATS** năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **0.46%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



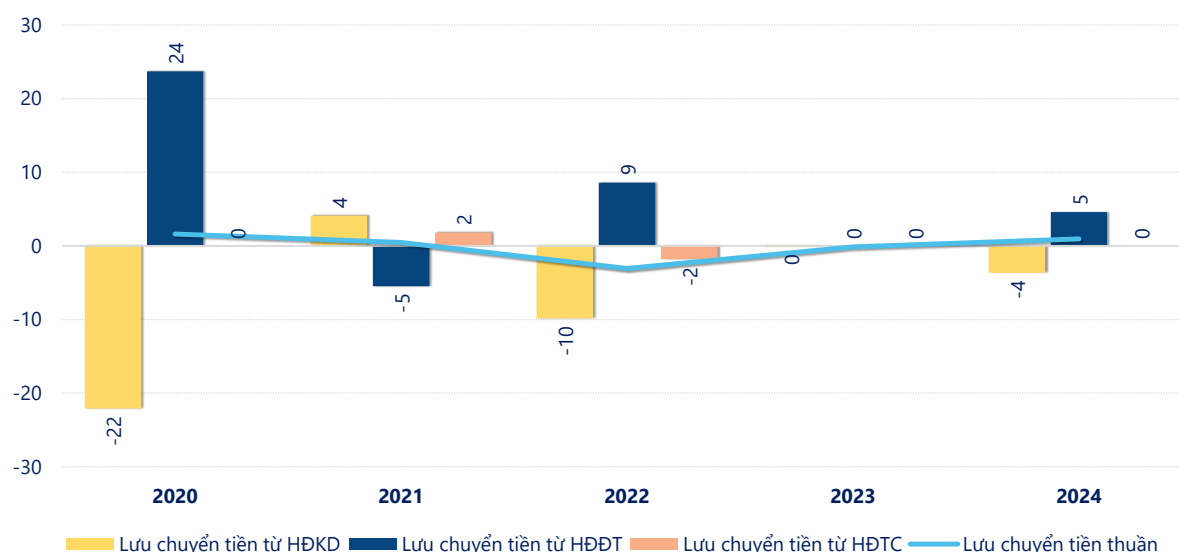
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	36.9	38.4	42.2	47.9	50.6
Giá vốn hàng bán	33.1	34.3	37.9	45.7	48.0
Lợi nhuận gộp	3.72	4.06	4.30	2.20	2.65
Doanh thu HĐTC	0.19	1.83	0.45	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0.11	0.06	0	0
Chi phí lãi vay	0	0.11	0.06	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.55	2.04	1.89	1.93	1.87
LN thuần từ HĐKD	0.37	3.74	2.80	0.28	0.78
Lợi nhuận khác	-0.18	-1.06	-1.08	0.01	-0.42
LN trước thuế	0.19	2.68	1.72	0.29	0.35
Lợi nhuận sau thuế	0.14	2.23	0.81	0.23	0.20
LNST của CĐ cty mẹ	0.14	2.23	0.81	0.23	0.20

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của ATS bằng **0.96** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-0.14 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng - **3.64** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **4.60** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.00** tỷ đồng.